

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (viết tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4202000103 ngày 10/5/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800345732 ngày 24/01/2008, thay đổi bổ sung lần thứ 05 ngày 15/9/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800345732 thay đổi lần thứ 5 ngày 15/9/2022 là: 260.213.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thạch	Thành viên
Ông Phan Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xiêm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Thanh Ngọc	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty, cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc

Bảo Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Số: 219//2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc được lập ngày 31/7/2023, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		552.665.270.284	517.651.195.196
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.728.995.806	12.779.214.088
1. Tiền	111		4.728.995.806	12.779.214.088
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		495.500.000.000	461.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	495.500.000.000	461.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.654.304.696	34.222.751.912
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	22.138.001.497	17.067.741.970
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	5.399.541.359	4.870.597.165
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	17.116.761.840	12.284.412.777
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	7.188.370.958	7.964.764.526
1. Hàng tồn kho	141		7.188.370.958	7.964.764.526
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		593.598.824	1.684.464.670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	593.598.824	1.684.464.670
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		327.332.585.560	330.295.354.890
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		303.675.138.579	312.184.718.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	303.675.138.579	312.184.718.254
<i>Nguyên giá</i>	222		602.365.649.346	602.365.649.346
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(298.690.510.767)	(290.180.931.092)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.657.446.981	18.110.636.636
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	14.645.711.681	9.042.471.336
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.6	9.011.735.300	9.068.165.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		879.997.855.844	847.946.550.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.004.604.884	22.302.781.113
I. Nợ ngắn hạn	310		11.004.604.884	22.302.781.113
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	944.101.947	754.564.705
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		938.224.620	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.575.836.342	9.472.848.124
4. Phải trả người lao động	314		999.877.519	7.450.016.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	1.017.144.108	1.477.458.936
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	227.487.712	146.613.712
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		301.932.636	3.001.279.636
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		868.993.250.960	825.643.768.973
(400 = 410 + 430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	868.993.250.960	825.643.768.973
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.213.000.000	260.213.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.213.000.000	260.213.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		230.000.000	230.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.826.450.000	9.826.450.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		598.723.800.960	555.374.318.973
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		555.374.318.973	469.818.778.574
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.349.481.987	85.555.540.399
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		879.997.855.844	847.946.550.086
(440 = 300 + 400)				

Bảo Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Người lập



Trần Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	65.090.506.967	80.664.195.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	65.090.506.967	80.664.195.544
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	28.664.496.624	35.208.935.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		36.426.010.343	45.455.259.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.249.901.344	6.723.515.343
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	5.509.820.590	5.853.130.725
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		48.166.091.097	46.325.644.449
11. Thu nhập khác	31		-	250.215.051
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.5	-	250.215.051
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		48.166.091.097	46.575.859.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.816.609.110	2.328.792.975
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.349.481.987	44.247.066.525
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	1.666	1.700

Bảo Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Người lập

Trần Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		67.057.559.766	85.981.109.998
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(15.017.031.461)	(10.463.036.048)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.846.558.316)	(17.031.084.910)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.628.556.850)	(1.725.854.627)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.266.223	80.019.897
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.050.308.575)	(19.583.572.462)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.557.370.787	37.257.581.848
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và Tài sản dài hạn	22		-	278.974.512
2. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(468.500.000.000)	(57.187.915.625)
3. Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		434.000.000.000	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.892.410.931	6.533.616.093
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.607.589.069)	(40.375.325.020)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(8.050.218.282)	(3.117.743.172)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	12.779.214.088	13.071.731.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	4.728.995.806	9.953.988.825

Bảo Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Người lập

Trần Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4202000103 ngày 10/5/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800345732 ngày 24/01/2008, thay đổi bổ sung lần thứ 05 ngày 15/09/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800345732 thay đổi lần thứ 5 ngày 15/9/2022 là 260.213.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 64 người (tại ngày 31/12/2022 là 64 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thủy điện;
- Xây dựng công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, thủy điện;
- Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng;
- Đào tạo nhân công vận hành nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Kinh doanh điện và đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để dự trữ không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn: Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Do đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh điện, giá vốn được ghi nhận toàn bộ theo thực tế mà Công ty phải bỏ ra để sản xuất được số lượng sản phẩm điện (Kw) để bán, không có chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Máy móc thiết bị	10 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm theo hướng dẫn trích khấu hao tại Công văn số 526/CT-KTrT ngày 10/3/2011 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể:

- Tuabin và thiết bị phụ trợ;
- Máy phát điện, máy biến áp;
- Cầu trục nhà máy;
- Thiết bị cơ khí thủy công;
- Hệ thống thông tin liên lạc và phòng cháy chữa cháy nhà máy.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước dịch vụ môi trường rừng, chi phí này được trích dựa vào thông báo phí dịch vụ môi trường rừng hằng năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác*****Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và Giá bán điện được áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục điều tiết điện lực công bố hàng năm hoặc theo sự điều chỉnh, quy định của Bộ Công thương Việt Nam tại từng thời điểm.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hoạt động sản xuất điện trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh từ năm 2014 đến năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

H. O
DN
TN
M
VI
H.A

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.184.706.153	687.520.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.544.289.653	12.091.694.072
Tổng	4.728.995.806	12.779.214.088

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn 06 - 12 tháng				
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc	454.000.000.000	454.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	14.000.000.000	14.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Phú Yên	27.500.000.000	27.500.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Tổng	495.500.000.000	495.500.000.000	461.000.000.000	461.000.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	22.138.001.497	17.067.741.970
Tổng	22.138.001.497	17.067.741.970

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ và Năng lượng Kiên Phát	3.279.295.800	3.279.295.800
Công ty TNHH Xây dựng điện Bách khoa	2.002.745.559	1.134.745.559
Đối tượng khác	117.500.000	456.555.806
Tổng	5.399.541.359	4.870.597.165

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Nhà máy Thủy điện (*)	6.849.590.741	-	6.849.590.741	-
Ngân hàng BIDV Bảo Lộc	8.874.421.920	-	4.047.150.685	-
Ngân hàng BIDV Đồng Nai	476.843.835	-	289.690.410	-
Vietinbank - Phú Yên	743.871.232	-	400.805.479	-
Tạm ứng của CBNV	172.034.112	-	197.175.462	-
Phải thu khác	-	-	500.000.000	-
Tổng	17.116.761.840	-	12.284.412.777	-

(*) Khoản hỗ trợ lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng phải cấp theo Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư số 01/2010/HĐHTSĐT-NHPT ngày 30/8/2010.

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Hàng tồn kho	7.188.370.958	-	7.964.764.526	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.137.094.958	-	7.603.756.708	-
Công cụ, dụng cụ	51.276.000	-	361.007.818	-
b) Tài sản dài hạn khác	9.011.735.300	-	9.068.165.300	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9.011.735.300	-	9.068.165.300	-
Tổng	16.200.106.258	-	17.032.929.826	-

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	593.598.824	1.684.464.670
Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí khác	406.160.236	738.631.731
Chi phí sửa chữa TSCĐ	187.438.588	945.832.939
b) Dài hạn	14.645.711.681	9.042.471.336
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thay thế thiết bị	13.657.818.085	8.505.529.636
Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác	987.893.596	536.941.700
Tổng	15.239.310.505	10.726.936.006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu kỳ	405.216.319.928	140.590.852.169	56.323.577.767	234.899.482	602.365.649.346
Số cuối kỳ	405.216.319.928	140.590.852.169	56.323.577.767	234.899.482	602.365.649.346
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số đầu kỳ	164.916.919.266	79.897.594.006	45.205.961.402	160.456.418	290.180.931.092
Khấu hao trong kỳ	6.327.468.750	1.604.356.711	565.317.666	12.436.548	8.509.579.675
Số cuối kỳ	171.244.388.016	81.501.950.717	45.771.279.068	172.892.966	298.690.510.767
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu kỳ	240.299.400.662	60.693.258.163	11.117.616.365	74.443.064	312.184.718.254
Số cuối kỳ	233.971.931.912	59.088.901.452	10.552.298.699	62.006.516	303.675.138.579

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 43.477.416.653 VND (Tại ngày 31/12/2022 là 43.407.986.653 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Truyền tải điện 3	360.250.000	360.250.000	348.671.128	348.671.128
Công ty TNHH Vũ Văn Lợi - Lâm Đồng	303.852.697	303.852.697	-	-
Công ty TNHH DANHIM	-	-	219.240.000	219.240.000
Công ty TNHH Vista Tour	111.000.000	111.000.000	-	-
Các đối tượng khác	168.999.250	168.999.250	186.653.577	186.653.577
Tổng	944.101.947	944.101.947	754.564.705	754.564.705

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phát sinh trong kỳ		30/6/2023
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.616.928.710	4.734.528.090	7.946.571.768	2.404.885.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.378.556.850	4.816.609.110	4.628.556.850	2.566.609.110
Thuế thu nhập cá nhân	644.980.343	313.478.783	840.153.697	118.305.429
Thuế tài nguyên	832.382.221	3.670.676.642	3.017.022.092	1.486.036.771
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	147.552.800	147.552.800	-
Thuế Môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên	-	864.961.500	864.961.500	-
Tổng	9.472.848.124	14.550.806.925	17.447.818.707	6.575.836.342

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ môi trường rừng	1.017.144.108	1.477.458.936
Tổng	1.017.144.108	1.477.458.936

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	107.938.000	43.840.000
Các khoản khác	119.549.712	102.773.712
Tổng	227.487.712	146.613.712

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2022	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	474.206.778.574	744.476.228.574
Lợi nhuận trong năm 2022	-	-	-	88.555.540.399	88.555.540.399
Trích lập các quỹ	-	-	-	(7.388.000.000)	(7.388.000.000)
Số dư 31/12/2022	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	555.374.318.973	825.643.768.973
Số dư 01/01/2023	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	555.374.318.973	825.643.768.973
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	43.349.481.987	43.349.481.987
Số dư 30/6/2023	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	598.723.800.960	868.993.250.960

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	184.826.100.000	184.826.100.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	25.765.220.000	25.765.220.000
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	22.981.560.000	22.981.560.000
Cổ đông khác	26.640.120.000	26.640.120.000
Tổng	260.213.000.000	260.213.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	260.213.000.000	260.213.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	260.213.000.000	260.213.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.021.300	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.021.300	26.021.300
- Cổ phiếu phổ thông	26.021.300	26.021.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.021.300	26.021.300
- Cổ phiếu phổ thông	26.021.300	26.021.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán điện	65.090.506.967	80.664.195.544
Tổng	65.090.506.967	80.664.195.544

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán điện	28.664.496.624	35.208.935.713
Tổng	28.664.496.624	35.208.935.713

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	17.249.901.344	6.723.515.343
Tổng	17.249.901.344	6.723.515.343

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.148.562.297	3.241.544.170
Chi phí vật liệu, CCDC quản lý	349.337.240	365.889.664
Chi phí khấu hao	443.696.394	424.834.571
Thuế, phí, lệ phí	150.552.800	144.757.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	546.993.646	432.673.129
Chi phí khác bằng tiền	870.678.213	1.243.431.480
Tổng	5.509.820.590	5.853.130.725

6.5 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác	-	250.215.051
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	250.215.051
Chi phí khác	-	-
Lợi nhuận khác	-	250.215.051

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.166.091.097	46.575.859.500
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	48.166.091.097	46.575.859.500
Thuế suất hiện hành 10%	10%	10%*50%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.816.609.110	2.328.792.975
Điều chỉnh thuế TNDN theo quyết định của cơ quan thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.816.609.110	2.328.792.975

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.349.481.987	44.247.066.525
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.349.481.987	44.247.066.525
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	26.021.300	26.021.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.666	1.700

(*): Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có thể được phân bổ cho quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành. Nếu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi quỹ thưởng ban điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	647.963.025	1.313.467.574
Chi phí nhân công	8.124.893.917	8.008.686.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.509.579.675	9.329.850.011
Thuế, phí, lệ phí	150.552.800	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.451.444.619	10.377.690.148
Chi phí khác bằng tiền	9.289.883.178	12.032.371.983
Tổng	34.174.317.214	41.062.066.438

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty Mẹ	71%
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cổ đông lớn	10%
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	Cổ đông lớn	9%
Các thành viên chủ chốt của Công ty: Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và những người thân cận của các thành viên chủ chốt		Theo Điều lệ tổ chức hoạt động

b) Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị			
Ông Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000
Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Thạc	Thành viên HĐQT	30.000.000	12.000.000
Ông Phan Văn Minh	Thành viên HĐQT	30.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Xiêm	Thành viên HĐQT	30.000.000	12.000.000
Tổng		120.000.000	54.000.000

(*): Thu nhập được trình bày ở “Tiền lương, thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng”.

S.N: 010
CÔNG
TNHI
KIỂM TO
PA VIET
HÀ N

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (Tiếp theo)

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của Ban Kiểm soát			
Bà Trần Thị Thanh Nga	Trưởng Ban kiểm soát	152.857.000	164.412.000
Ông Lê Thanh Ngọc	Thành viên	-	9.000.000
Ông Triệu Kim Thủy	Thành viên	-	9.000.000
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	30.000.000	-
Tổng		182.857.000	182.412.000
Tiền lương, thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc	191.076.000	257.979.000
Ông Hồ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	165.597.000	212.033.000
Ông Nguyễn Đức Anh	Kế toán trưởng	152.857.000	-
Tổng		509.530.000	470.012.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Bảo Lộc, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Người lập

Trần Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường